

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I

TIẾNG ANH LỚP 3

Global Success · Kết nối tri thức · Bộ 1 · 35 phút nghe/đọc/viết · Nói riêng 3–5 phút

Unit 1–5: chào hỏi, tên, tuổi, bạn bè, bộ phận cơ thể và sở thích.

Họ và tên: Lớp:

Bộ ôn tập tự biên soạn, thang 10 điểm. Người lớn đọc mỗi lời nghe hai lần, nghỉ khoảng 5 giây; phần nói làm riêng 3–5 phút. Hướng dẫn tiếng Việt có thể đọc giúp học sinh.

I. LISTENING · Nghe

Câu 1 (0,5 điểm). How old is Tom?

- A. eight B. nine C. ten

Câu 2 (0,5 điểm). What is the name?

- A. Minh B. Mai C. Nam

Câu 3 (0,5 điểm). What do you touch?

- A. hair B. nose C. ears

Câu 4 (0,5 điểm). What is the hobby?

- A. singing B. cooking C. running

II. READING · Đọc

Câu 5 (0,5 điểm). How are you? — _____.

- A. Fine, thank you B. My name is An C. Goodbye

Câu 6 (0,5 điểm). I _____ drawing.

- A. likes B. like C. am

Read the text. Đọc đoạn văn để làm câu 7–9.

Hello. My name is Hoa. I'm eight years old. I like painting. This is my friend Ben. Ben is nine years old. This is Ms Nga. Ms Nga is my teacher.

Ngữ liệu mới do bộ đề biên soạn.

Câu 7 (0,5 điểm). Hoa is _____ years old.

A. seven

B. nine

C. eight

Câu 8 (0,5 điểm). Who is Hoa's teacher?

A. Ms Nga

B. Ben

C. Tom

Câu 9 (1 điểm). Read and answer.

a) What is Hoa's hobby?

b) How old is Ben?

III. WRITING · Viết

Câu 10 (1 điểm). Reorder the words. Sắp xếp thành câu:

a) is / My name / An.

b) like / I / dancing.

Câu 11 (2 điểm). Write about yourself. Viết 2–3 câu giới thiệu tên, tuổi và một sở thích của em.

IV. SPEAKING · Nói

Câu 12 (2 điểm). Talk to your teacher. Trả lời câu hỏi về tên, tuổi và sở thích của em.

ĐÁP ÁN · LỜI ĐỌC · HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề ôn tập giữa học kì i Tiếng Anh 3 Global Success – Bộ 1

Phần nghe: cho học sinh xem lựa chọn 20 giây, đọc chậm rõ mỗi lời hai lần, cách nhau 5 giây; chờ 5 giây trước câu kế. Không đọc tên chữ A/B/C hoặc đáp án. Có thể đọc giúp hướng dẫn tiếng Việt. Phần nói: chấm trực tiếp, ưu tiên hiểu và giao tiếp.

Câu 1 · 0,5 điểm

B. nine

Lời đọc: Hello. I'm Tom. I'm nine years old.

- Tom nói nine years old.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 2 · 0,5 điểm

B. Mai

Lời đọc: Hi. My name is Mai. M-A-I.

- Người nói giới thiệu và đánh vần Mai.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 3 · 0,5 điểm

C. ears

Lời đọc: Touch your ears, please.

- Lời hướng dẫn yêu cầu chạm vào tai: ears.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 4 · 0,5 điểm

B. cooking

Lời đọc: What's your hobby? I like cooking.

- Người nói thích cooking.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 5 · 0,5 điểm

A. Fine, thank you

- Fine, thank you là lời đáp khi được hỏi sức khỏe.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 6 · 0,5 điểm

B. like

- Mẫu câu I like + hoạt động có đuôi -ing.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 7 · 0,5 điểm

C. eight

- Hoa giới thiệu tám tuổi.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 8 · 0,5 điểm

A. Ms Nga

- Ms Nga được giới thiệu là giáo viên.

Chọn đúng được 0.5 điểm; không trừ điểm khi chọn sai.

Câu 9 · 1 điểm

a) Painting. / Hoa likes painting. b) Nine. / Ben is nine years old.

- Dựa vào thông tin được nêu trong đoạn đọc.

Mỗi ý trả lời đúng 0,5 điểm; chấp nhận câu ngắn hoặc câu đầy đủ đúng nghĩa.

Câu 10 · 1 điểm

a) My name is An.; b) I like dancing.

- My name is An.
- I like dancing.

Mỗi câu đúng 0.5 điểm; chấp nhận dấu câu và dạng viết hoa phù hợp.

Câu 11 · 2 điểm

My name is Linh. I'm eight years old. I like singing.

- Đây là bài mẫu minh họa, không phải đáp án duy nhất.
- Chấm theo yêu cầu và ý của học sinh, không bắt buộc dùng các tên riêng hoặc chi tiết trong bài mẫu.

Đủ các ý được yêu cầu: 1 điểm. Mẫu câu và từ phù hợp: 0,5 điểm. Viết rõ, dùng chữ hoa và dấu câu phù hợp: 0,5 điểm.

Câu 12 · 2 điểm

Ví dụ: My name is An. I'm eight years old. I like drawing.

- Hỏi lần lượt: “What’s your name?”, “How old are you?”, “What’s your hobby?” Chấm ý đúng, không yêu cầu trùng bài mẫu.
- Đáp án là ví dụ. Chấp nhận câu trả lời đúng với học sinh; không yêu cầu nói giống hết mẫu.

Nội dung phù hợp yêu cầu: 1 điểm. Nói rõ từ/câu để người nghe hiểu: 1 điểm. Không đòi hỏi giọng bản ngữ.

Nguồn đối chiếu và cách sử dụng

Đề ôn tập tự biên soạn sau khi học dạng bài của đề cũ và đối chiếu phạm vi. Thang điểm riêng của bộ đề; không phải đề chính thức của trường hoặc nhà xuất bản. Phần nghe dùng lời đọc mới ở trên, chưa có tệp âm thanh đi kèm. Câu mở chấp nhận cách trả lời khác đúng.

- [Đề cuối HKI Tiếng Anh 3, trường Xuân Thành, năm học 2024–2025 \(bản chia sẻ\)](#)
- [Tiếng Anh 3 Global Success, SHS tập 1 – NXBGDVN, bản tập huấn ISEEBOOKS](#)